

THE MORNING NEWS
BẢN TIN SÁNG 01/02/2023

**TIẾP ĐÀ HỒI PHỤC VÀ HƯỚNG TỚI
VÙNG KHÁNG CỰ 1.125 ĐIỂM**

Quốc tế

- Phố Wall có phiên biến động tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch hôm qua. Chỉ số Dow Jones tăng 368,95 điểm (+1,09%), chỉ số NASDAQ tăng 190,74 điểm (+1,67%) và chỉ số S&P 500 tăng 58,83 điểm (+1,46%). Cổ phiếu của hầu hết các nhóm ngành đều biến động tích cực cùng xu hướng chung của thị trường.
- Chứng khoán châu Âu có diễn biến trái chiều trong ngày giao dịch hôm qua. Chỉ số FTSE 100 (Anh) giảm 13,17 điểm (-0,17%), CAC 40 (Pháp) tăng 0,41 điểm (+0,01%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán tại các nước Đông Nam Á hầu hết giảm điểm nhẹ trong phiên giao dịch.
- Giá dầu WTI tăng 1,25% và Brent giảm 0,48% trong phiên giao dịch hôm qua. Bên cạnh đó giá một số vật liệu cơ bản như bạc, sữa, vàng tăng điểm nhẹ.
- Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) dự kiến sẽ tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản tại cuộc họp diễn ra từ ngày 31/1-1/2.
- Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 lên mức 2,9%.

Trong nước

- Vnindex có phiên giao dịch bất ngờ trong ngày hôm qua, ngay từ đầu phiên chỉ số đã có chiều hướng đi xuống với áp lực bán gia tăng từ nhà đầu tư cùng tâm lý lo ngại từ phiên điều chỉnh trước đó, tuy nhiên sang phiên chiều dòng tiền bắt đầu tham gia tích cực hơn vào thị trường giúp chỉ số tăng điểm khá tích cực. Kết thúc phiên, Vnindex tăng 8,61 điểm, đóng cửa tại 1.111,18 điểm, giá trị giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước đó.
- Hầu hết các nhóm ngành kết thúc phiên đều biến động tích cực so với phiên trước đó, cổ phiếu một số nhóm ngành tăng điểm gây chú ý trong phiên giao dịch như dịch vụ tiêu dùng, vật liệu cơ bản. Trong đó, nhiều mã ghi nhận sự chú ý của nhà đầu tư như MWG, HVN, HPG.
- Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhẹ với giá trị hơn 120,23 tỷ, tập trung bán các cổ phiếu như VNM, ST8, DGC. Bên cạnh đó, tự doanh tham gia mua ròng nhẹ với 7,4 tỷ đồng.
- Ngày Vía Thần Tài, giá vàng miếng SJC tiếp tục giảm sâu về mức 67 triệu đồng/lượng, chênh lệch giá mua - bán 1 triệu đồng/lượng.
- Năm 2022, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 1,6 triệu tấn cao su, trị giá 2,38 tỷ USD.

Doanh nghiệp

- VNM: CTCP Sữa Việt Nam công bố báo cáo tài chính Q4/2022, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 8.578 tỷ đồng.
- VEA: Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam công bố BCTC quý 4/2022, lãi sau thuế đạt 7.672 tỷ đồng, tăng 32,5% so với năm 2021.
- THD: CTCP Thaiholdings công bố BCTC, lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 337 tỷ đồng.
- LHG: CTCP Long Hậu công bố BCTC quý 4/2022, lợi nhuận sau thuế đạt 202,4 tỷ đồng.
- HU4: CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD4 công bố BCTC quý 4/2022, lợi nhuận sau thuế đạt 19,54 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2021.
- SCR: Năm 2022, CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín thông báo lợi nhuận trước thuế đạt gần 79 tỷ đồng.
- DLG: Năm 2022, CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai thông báo lỗ ròng gần 897 tỷ đồng.
- VRG: CTCP Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam thông báo công ty đạt 53,6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, cao gấp 12,5 lần năm 2021.
- VBC: CTCP Nhựa Bao Bì Vinh công bố báo cáo tài chính quý 4/2022, báo lỗ ròng 27 tỷ đồng năm 2022.
- CRE: Năm 2022, CTCP Bất động sản Thế kỷ thông báo lợi nhuận sau thuế đạt 198 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

CHỈ SỐ	01/02/2023	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% YTD
VN INDEX	1.111,18	0,78%	2,10%	10,34%	10,34%
HNX30 INDEX	387,57	2,36%	5,82%	17,06%	17,06%
VN30 INDEX	1.125,07	1,00%	1,93%	11,93%	11,93%
S&P 500	4.076,60	1,46%	1,48%	6,18%	6,18%
Dow Jones	34.086,04	1,09%	1,04%	2,83%	2,83%
Nasdaq	11.584,55	1,67%	2,21%	10,68%	10,68%
Shanghai Composite	3.255,67	-0,42%	0,97%	5,39%	5,39%
Nikkei 225	27.499,09	0,64%	0,39%	5,39%	5,39%
Thailand SET	1.671,46	-0,58%	-0,68%	0,17%	0,17%
Malaysia	1.485,50	-0,93%	-0,99%	-0,67%	-0,67%
Philippine	6.793,25	-2,55%	-3,53%	3,45%	3,45%
Indonesia JCI	6.839,34	-0,48%	-0,31%	-0,16%	-0,16%
FTSE 100	7.771,70	-0,17%	0,18%	4,29%	4,29%
DAX	15.128,27	0,01%	0,23%	8,65%	8,65%
CAC 40	7.082,42	0,01%	0,45%	9,40%	9,40%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

TOP CỔ PHIẾU TĂNG – GIẢM GIÁ

Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
LBM	42.800	96.900	7,00%
VAF	9.790	500	6,99%
TDW	43.050	200	6,96%
THI	22.300	100	6,95%
PTL	3.850	269.200	6,94%
BTT	33.900	2.500	6,94%
PET	22.350	1.264.000	6,94%
KHG	4.950	2.141.300	6,91%
ABR	9.440	300	6,91%
SSC	28.650	100	6,90%

HNX: Top 10 CP tăng nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SHE	11.000	223	10,00%
DNC	45.400	400	9,93%
MDC	11.100	17.703	9,90%
INC	37.900	100	9,86%
TSB	42.600	185.215	9,79%
TC6	6.900	575.400	9,52%
TTL	11.600	733	9,43%
BST	16.300	2.500	9,40%
CIA	11.800	69.784	9,26%
PPY	9.600	11.851	9,09%

HSX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
SFC	18.600	100	-7,00%
SRF	9.870	300	-6,45%
TCM	50.000	1.653.800	-6,19%
ILB	33.000	61.700	-5,71%
DTL	27.000	400	-5,43%
SVT	11.250	2.600	-4,66%
NNC	19.100	2.400	-4,50%
SCD	16.000	300	-4,19%
SMC	10.450	1.480.500	-4,13%
LGL	3.730	299.600	-4,11%

HNX: Top 10 CP giảm nhiều nhất trong ngày

Mã CK	Giá đóng cửa	Tổng khối lượng (CP)	Thay đổi
TJC	19.800	700	-10,00%
PTI	40.500	400	-10,00%
SGC	70.300	880	-9,87%
PSE	11.200	97.600	-9,68%
MHL	5.900	100	-9,23%
TA9	12.600	2.000	-8,70%
SHN	10.500	1.900	-7,89%
TKU	12.100	1.250	-7,63%
SZB	28.100	2.205	-6,02%
VTV	4.900	95.119	-5,77%

GIAO DỊCH CỦA KHỐI NGOẠI

HSX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	HPG	172.732	VNM	156.757
2	SSI	55.896	ST8	79.718
3	HCM	24.604	DGC	63.245
4	PNJ	23.022	VHM	36.086
5	HDB	22.876	KDH	28.504
6	VIC	18.557	VCB	20.186
7	STB	12.126	FUEVTVND	18.622
8	FRT	9.057	DPM	18.263
9	VRE	5.590	KBC	18.217
10	VCI	4.941	BMP	14.713

HNX: TOP 10 CP NĐTNN mua và bán ròng nhiều nhất trong ngày (Tr.VND)

TT	Mã CK	GT Mua ròng	Mã CK2	GT Bán ròng
1	IDC	2.187	PVS	1.285
2	SHS	1.205	PLC	270
3	PVI	1.050	LHC	257
4	HUT	992	THD	182
5	CEO	875	APS	157
6	TNG	525	NBC	63
7	NAG	399	TDN	60
8	GMX	397	SGC	48
9	PVG	253	NVB	33
10	TOT	128	WCS	16

Nguồn: Fiinpro, VietinBank Securities

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Mặt hàng	Đơn vị	01/02/2023	%Ngày	% 5 ngày	%Tháng	%YTD
Oil WTI	USD/bbl.	78,87	1,25%	-1,36%	-1,50%	-1,50%
Oil Brent	USD/bbl.	84,49	-0,48%	-0,78%	-0,52%	-0,52%
Thép thanh	CNY/MT	4.181,00	-1,25%	-0,02%	1,64%	1,64%
Nhôm	USD/MT	2.618,25	2,32%	-0,35%	11,44%	11,44%
Đồng	USd/lb.	422,60	0,57%	-0,73%	10,58%	10,58%
Than	USD/MT	251,75	-5,13%	-29,99%	-37,71%	-37,71%
Đường	USd/lb.	21,76	2,59%	9,46%	8,58%	8,58%
Ngô	USd/bu.	679,75	-0,59%	0,41%	0,18%	0,18%
Gas	USD/MMBtu	2,68	0,26%	-10,69%	-38,79%	-38,79%
Sữa	USD/cwt	19,48	0,15%	-8,18%	-12,85%	-12,85%
Vàng	USD/t oz.	1.945,30	0,31%	-0,85%	5,46%	5,46%
Bạc	USD/t oz.	23,84	0,43%	-0,78%	-1,19%	-1,19%
Lúa Mỳ	USd/bu.	761,25	1,16%	3,64%	-3,88%	-3,88%
Thịt lợn	USd/lb.	74,88	-0,37%	-2,89%	-14,62%	-14,62%
Thép cuộn TQ	CNY/MT	4.296,00	0,40%	2,41%	3,59%	3,59%

Nguồn: Bloomberg, VietinBank Securities

THÔNG BÁO MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Nội dung bản tin này do Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities) cung cấp, chỉ mang tính chất tham khảo. Mặc dù mọi thông tin đều được thu thập từ những nguồn, tờ báo đáng tin cậy, nhưng VietinBank Securities không đảm bảo được tuyệt đối được độ chính xác của thông tin hay bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc sử dụng bản tin này.

Các ý kiến tổng hợp, dự báo chỉ thể hiện quan điểm của tác giả tại thời điểm phát hành, báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo chứ không mang tính chất mời chào, mua bán, nắm giữ bất cứ cổ phiếu nào. Báo cáo này là tài sản của Công ty cổ phần chứng khoán Công thương (VietinBank Securities).

Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như phân phối báo cáo này vì bất cứ mục đích cá nhân hay thương mại nào nếu không có sự đồng ý của VietinBank Securities.

Xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn các thông tin trong báo cáo này!